

Số: 3915 /QĐ- UBND

Uông Bí, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024”; các Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 và số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024”; Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND thành phố Uông Bí “Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 được phê duyệt tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND Thành phố là 325.044,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;
- Ngân sách Thành phố là 315.044,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích

Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 51.444,652 triệu đồng.

II. Nội dung bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2024

1. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 61.500 triệu đồng, cụ thể:

a) Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 60.000 triệu đồng cho công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí

Lí do bổ sung: Công trình đã được HĐND tỉnh Quảng Ninh hỗ trợ thực hiện dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện là 60.000 triệu đồng tại Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 10/7/2024.

b) Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Thành phố (từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản) là 1.500 triệu đồng và phân bổ cho công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí.

2. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 với giá trị là 13.000 triệu đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 13.000 triệu đồng của 02 công trình và 03 nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể:

(1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 9.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 56 tỷ đồng¹;

(2) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, TP Uông Bí là 2.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 6.000 triệu đồng;

(3) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí là 1.400 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.600 triệu đồng;

(4) Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phương Nam, thành phố Uông Bí là 100 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 600 triệu đồng;

(5) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87) là 500 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.500 triệu đồng;

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 13.000 triệu đồng cho 04 công trình và 06 nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể:

(1) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí là 1.000 triệu đồng;

¹ Trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 50.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 6.000 triệu đồng.

(2) Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố là 3.000 triệu đồng;

(3) Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí là 2.000 triệu đồng;

(4) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 3.000 triệu đồng

(5) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực phường Vàng Danh (Phân khu B) tại phường Vàng Danh, TP Uông Bí là 2.000 triệu đồng;

(6) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Bắc Sơn (phân khu J), tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng;

(7) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng;

(8) Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 1.300 triệu đồng;

(9) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 400 triệu đồng;

(10) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 330 triệu đồng;

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh bổ sung là 386.544,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;

- Ngân sách Thành phố là 376.544,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 136.000 triệu đồng²; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 52.944,652 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Các đơn vị được giao làm chủ đầu tư căn cứ kế hoạch điều chỉnh, thực hiện việc đầu tư xây dựng các công trình theo quy định; Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, tổng hợp và báo cáo việc thực hiện đầu tư của các đơn vị;

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

² Cụ thể là (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 50.000 triệu đồng, (2) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí là 26.000 triệu đồng và (3) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí là 60.000 triệu đồng;

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Uông Bí, Giám đốc BQLDA đầu tư xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất, UBND các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Phạm Tuấn Đạt

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Dự kế thực hiện đến 31/12/2023										Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khởi lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó			Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Người tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho mục tiêu		
														NS Tỉnh	NS Thành phố											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	TỔNG CỘNG	80						1.606.811	1.606.811	646.970	959.841	923.627	913.032	472.990	440.042	386.545	10.000	376.545	140.000	23.000	24.600	52.945	136.000			
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	9						225.632	225.632	100.000	125.632	216.068	205.473	100.000	105.473	14.089		14.089	3.463			10.626				
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	8						223.172	223.172	100.000	123.172	213.702	203.373	100.000	103.373	13.823		13.823	3.463			10.360				
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000	3.750	3.750		3.750	133		133	133.358					Đã PDQT		
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821	3.500	3.500		3.500	48		48	48.239					Đã PDQT		
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688	3.250	3.250		3.250	250		250	250							
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999	12.500	12.500		12.500	1.700		1.700	1.700							
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500	4.700	4.700		4.700	624		624	624.013					Đã PDQT		
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và tham asphan khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000	6.018	4.000		4.000	2.018		2.018				2.018.267		Đã PDQT		
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000	8.687	7.790		7.790	896		896				896.459		Đã PDQT		
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	171.297	163.882	100.000	63.882	8.153		8.153	707.662			7.445.473		Đã PDQT		
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460	2.366	2.100		2.100	266		266				266				
I	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460	2.366	2.100		2.100	266		266				265.968		Đã PDQT		
B	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP NĂM 2023	25						985.157	985.157	546.970	438.187	701.861	701.861	372.990	328.871	151.037	10.000	141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	24						568.187	568.187	130.000	438.187	328.871	328.871	0	328.871	141.037		141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000			
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000	21.300	21.300		21.300	1.000		1.000	1.000					</		

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Trong đó		NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu			
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố					Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho dự án				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưng Bi, thành phố Ưng Bi	1	7998646	799	074	7643/4096	30/11/2022, 10/8/2023	116.855	116.855		116.855	40.000	40.000		40.000	26.000	26.000	26.000					26.000		
4	Kê đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Tháp), phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	1.038		1.038	813	813		813	174	174	174			173.623			Đã PDQT	
5	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Ưng Bi	1	8019575	799	312	850	14/3/2023	2.866	2.866		2.866	2.245	2.245		2.245	250	250	250			250.443			Đã PDQT	
6	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019573	799	312	858	14/3/2023	2.815	2.815		2.815	2.600	2.600		2.600	168	168	168			167.629			Đã PDQT	
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019574	799	312	856	14/3/2023	982	982		982	900	900		900	13	13	13			13.210			Đã PDQT	
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Ưng Bi – Hoành Bồ phường Vàng Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019692	799	312	857	14/3/2023	552	552		552	500	500		500	10	10	10			9.731			Đã PDQT	
9	Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trầm Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Ưng Bi	1	8035243	799	312	810	10/3/2023	49.767	49.767		49.767	26.945	26.945		26.945	15.537	15.537	15.537	7.536,728		8.000				
10	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Ưng Bi	1	8036363	799	312	3537	05/7/2023	4.943	4.943		4.943	4.000	4.000		4.000	500	500	500							
11	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Ưng Bi	1	8036365	799	371	3586	06/7/2023	1.594	1.594		1.594	1.200	1.200		1.200	300	300	300							
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Ưng Bi	1	8036366	799	292	3799	20/7/2023	7.607	7.607		7.607	3.100	3.100		3.100	3.600	3.600	3.600							
13	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071	5209	17/10/2023	7.884	7.884		7.884	2.000	2.000		2.000	5.100	5.100	5.100							
14	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161	6213	06/11/2023	14.417	14.417		14.417	3.500	3.500		3.500	10.100	10.100	10.100	8.000						
15	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Ưng Bi	1	8053005	799	312	5210	17/10/2023	9.360	9.360		9.360	2.200	2.200		2.200	4.500	4.500	4.500	1.200		3.300				
16	Chính trang đường Phú Thành Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Ưng Bi	1	8053004	799	312	5231	18/10/2023	13.565	13.565		13.565	3.500	3.500		3.500	8.100	8.100	8.100	1.700		6.400				
17	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052994	799	161	5117	12/10/2023	2.801	2.801		2.801	1.000	1.000		1.000	1.600	1.600	1.600							
18	Kè chống sụt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052995	799	312	5189	16/10/2023	10.094	10.094		10.094	2.500	2.500		2.500	6.000	6.000	6.000		6.000					
19	Tuyến đường nối đồng của ông Bầu thôn Năm Mầu 1, xã Thượng Yên Công	1	8053025	799	292	4514	12/9/2023	1.058	1.058		1.058	700	700		700	300	300	300			300				

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Trong đó		NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố					Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Ngân tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho dự án			
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W		
20	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	8052998	799	292	5041	09/10/2023	347	347		347	200	200	100	100			100						
21	Tuyến đường nội đồng Mối Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	8052999	799	292	5042	09/10/2023	648	648		648	400	400	200	200			200						
22	Tuyến mương của ông Mai thôn Khe Sù 2, xã Thượng Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414		414	300	300	100	100			100						
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vàng Danh	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147		1.147	700	700	385	385			385.364						
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vàng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676		2.676	1.500	1.500	1.000	1.000			1.000						
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	1						416.970	416.970	416.970		372.990	372.990	10.000	10.000									
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970	416.970		372.990	372.990	10.000	10.000									
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	33						371.725	371.725			1.200	1.200	211.618	211.618			14.000	105.100	14.000	7.900	24.618	60.000	
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	14						371.725	371.725			1.200	1.200	199.468	199.468			14.000	105.100	14.000	7.900	12.468	60.000	
1	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuế Tỉnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000	65.000		400	400	50.000	50.000									
2	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000	9.000		400	400	7.000	7.000						7.000			
3	Sửa chữa kẻ suối Vàng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vàng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920	920				900	900						900			
4	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719					3.000	3.000				3.000					
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662					10.000	10.000				10.000					
6	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuế Tỉnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000	60.000		400	400	42.100	42.100				42.100					
7	Xử lý sạt lở mái taluy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424					6.000	6.000			6.000						
8	Trưởng Mán non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600	14.600					6.000	6.000						6.000			

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Mã ngành	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó				Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho dự án	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	
											NS Tỉnh	NS Thành phố					NS Tỉnh	NS Thành phố								
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
9	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000		11.000					4.968	4.968	4.968				4.968.485				
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8093284	799	292	3848	18/7/2024	5.000	5.000		5.000					1.500	1.500	1.500				1.500				
11	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở UBND thành phố Uông Bí	1	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	146.975		146.975					61.000	61.000	61.000		1.000			60.000			
12	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	8093285	799	292	3846	18/7/2024	13.000	13.000		13.000					2.000	2.000	2.000		2.000						
13	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8093286	799	074	3842	18/7/2024	10.100	10.100		10.100					2.000	2.000	2.000		2.000						
14	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoàn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	312	3841	18/7/2024	9.325	9.325		9.325					3.000	3.000	3.000		3.000						
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	19														12.150	12.150	12.150				12.150		PB2		
D	VON CHUAN BI DAU TU, NHIEM VU QUY HOACH	13														9.800	9.800	9.800	6.800	3.000						
1	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670	670		670	298	298			300	300	300	300							
2	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	78	09/01/2023	500	500		500	400	400			100	100	100	100							
3	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	619	332	2536	17/8/2023	5.878	5.878		5.878	1.800	1.800			1.600	1.600	1.600	1.600							
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	619	332	3087	16/6/2023	525	525		525	200	200			300	300	300	300							
5	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Yên Sóng - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	619	332	3614	07/7/2023	1.107	1.107		1.107	300	300			600	600	600	600							
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	619	332	3587	06/7/2023	3.653	3.653		3.653	1.200	1.200			1.500	1.500	1.500	1.500							
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	619	332	5299	20/10/2023	793	793		793	300	300			400	400	400	400							
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vạng Danh (Phần khu B) tại phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8098495	619	332	3308	14/6/2024	4.964	4.964		4.964					2.000	2.000	2.000	2.000							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Chi chủ
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó					
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố				Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Người tăng thu ngân sách năm 2023 đánh cho		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
9	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn (phần khu J) tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8098493	619	332	3309	14/6/2024	1.608	1.608		1.608					600		600		600				
10	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phần khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8098497	619	332	3310	14/6/2024	946	946		946					370		370		370				
11	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đồ thi Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098498	619	332	2289	08/4/2024	2.700	2.700		2.700					1.300		1.300		1.300				
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098170	619	332	1216	01/4/2024	545	545		545					400		400		400				
13	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo nâng cấp trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8098171	619	332	2209	02/4/2024	408	408		408					330		330		330				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI

(Kèm theo Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	19						22.752	12.150	
	UBND phường Yên Thanh	1						2.800	1.500	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	
	UBND phường Phương Nam	1						800	550	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	
	UBND phường Trung Vương	8						11.941	6.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	
	UBND phường Vàng Danh	9						7.211	3.900	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thần đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cụt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	